

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v “Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hải

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-DS 12/6/2024 về “Tranh chấp về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-DS ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Trần Bích T, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thời gian từ năm 2020 đến năm 2023 bà có tham gia 04 dây hụi do bà Trần Bích T làm chủ thảo và bà T còn thiếu bà số tiền 205.000.000 đồng nhưng tại buổi hòa giải ngày 28/6/2024 bà và bà Trần Bích T thống nhất bà T còn nợ bà 189.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Dây hội mùa 5.000.000 đồng (01 năm khai 02 lần) gồm 09 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội Chị 5 B, bắt đầu khai ngày 01/6/2020 âm lịch, đến tháng 5/2024 âm lịch hội mãn, bà là người hốt chót và cần trừ 01 phần cho con gái bà và tiền chủ thảo nên bà T thiếu bà số tiền 33.500.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Dây hội mùa 10.000.000 đồng (04 tháng khai 01 lần) gồm 10 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội Chị 5 B, bắt đầu khai ngày 28/01/2021 âm lịch đến tháng 12/2023 âm lịch mãn hội, bà là người hốt chót được số tiền 90.000.000 đồng nhưng bà T mới giao được 20.000.000 đồng nên bà T còn thiếu số tiền 70.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Dây hội mùa 10.000.000 đồng (04 tháng khai 01 lần) gồm 10 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội Chị 5 B, bắt đầu khai ngày 02/4/2022 âm lịch, đến lần thứ 6 vào tháng 02/2024 âm lịch bà hốt hội, sau khi cần trừ bà T còn thiếu bà số tiền 47.000.000 đồng chưa giao.

Dây hội thứ tư: Dây hội mùa 5.000.000 đồng (03 tháng khai 01 lần) gồm 12 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội Chị 5 B, bắt đầu khai ngày 02/4/2022 âm lịch, bà đóng được 8 lần thì bà T ngưng hội, bà T thiếu bà số tiền 38.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Bích T và chồng là ông Trần Văn T1 liên đới trả cho bà số tiền hội 205.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Trần Bích T và chồng là ông Trần Văn T1 liên đới trả cho bà số tiền hội 189.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Bích T trình bày tại bản tự khai ngày 28/6/2024 và biên bản hòa giải ngày 28/6/2024:

Bà thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về việc bà làm chủ thảo 04 dây hội như bà H trình bày và bà còn thiếu bà H số tiền 189.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H bà đồng ý một mình bà trả cho bà H số tiền trên, không liên quan gì đến ông Trần Văn T1.

Bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày tại bản tự khai ngày 27/6/2024, biên bản hòa giải ngày 28/6/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024:

Ông là chồng của bà Trần Bích T, ông đi làm ăn xa gửi tiền về nuôi vợ con, ông có biết bà Nguyễn Thị H vì ở cùng xóm, có biết vợ mở hội làm chủ thảo nhưng chỉ với dây hội tháng 500.000 đồng và 1.000.000 đồng. Còn cụ thể hội như thế nào ông không biết nên trước yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông liên đới với bà T trả số tiền 189.000.000 đồng ông không đồng ý.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

đương sự: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng, riêng bị đơn bà Trần Bích T chưa chấp hành theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ hụi số tiền 189.000.000 đồng: Nguyên đơn và bị đơn bà T đều trình bày thống nhất vào thời gian từ năm 2020 đến 2023 âm lịch, bà T có làm thảo hụi một số dây hụi, bà H có tham gia 04 dây hụi do bà làm thảo hụi. Cụ thể: Đối với dây hụi mùa 5.000.000 khui ngày 01/6/2020 âm lịch, còn nợ số tiền 33.500.000 đồng (sau khi trừ cò); đối với dây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 28/01/2021 âm lịch, còn nợ số tiền 70.000.000 đồng; Đối với dây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 02/4/2022 âm lịch, còn nợ số tiền 47.000.000 đồng; Đối với dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 02/4/2022 âm lịch, còn nợ số tiền 38.500.000 đồng. Tổng số tiền bà T còn nợ bà H 04 dây hụi là 189.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả theo yêu cầu của bà H nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của H.

Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới của ông Trần Văn T1: Bà T, ông T1 trình bày đây là nợ riêng, ông T1 không biết; nhưng nhận thấy giữa ông T1 và bà T là vợ chồng hợp pháp; từ trước đến nay ông bà đều sống chung và sinh hoạt chung. Do đó cần buộc ông T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ.

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hụi, bị đơn bà Trần Bích T và ông Trần Văn T1 có nơi cư trú tại ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Trần Bích T được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn T1 xin vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không đề cập.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Bích T thống nhất bà Trần Bích T còn thiếu bà Nguyễn Thị H số tiền hụi 189.000.000 đồng của 04 dây hụi do bà Trần Bích T làm chủ thảo và cụ thể: Dây hụi mùa 5.000.000 đồng (01 năm khui 02 lần) bắt đầu khui ngày 01/6/2020 âm lịch bà T thiếu bà H 33.500.000 đồng tiền

hụi xuống chót; Dây hụi mùa 10.000.000 đồng (04 tháng khui 01 lần) bắt đầu khui ngày 28/01/2021 âm lịch bà T thiếu bà H 70.000.000 đồng tiền hụi xuống chót; Dây hụi mùa 10.000.000 đồng (04 tháng khui 01 lần) bắt đầu khui ngày 02/4/2022 âm lịch bà T thiếu bà H 47.000.000 đồng tiền hụi đã hốt chưa giao; Dây hụi mùa 5.000.000 đồng (03 tháng khui 01 lần) bắt đầu khui ngày 02/4/2022 âm lịch bà T thiếu bà H 38.500.000 đồng tiền hụi đã đóng. Đây là sự việc được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, bà H hốt hụi 03 dây nhưng bà T không giao tiền hụi như thỏa thuận, còn 01 dây hụi bà T ngưng không khui nữa là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ thảo. Bà T cũng đồng ý trả cho bà H số tiền 189.000.000 đồng nêu trên. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

[4.3] Về trách nhiệm liên đới: Bà Trần Bích T và ông Trần Văn T1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 31/7/2009. Việc tổ chức các dây hụi diễn ra tại nhà của bà T và ông T1 trong thời gian dài, ông T1 cho rằng có biết bà T làm chủ thảo các dây hụi tháng 500.000 đồng và 1.000.000 đồng nhưng không phản đối việc bà T làm thảo hụi nên ông Trần Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Bích T trả nợ hụi cho bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Cho nên ông T1 không đồng ý liên đới với bà T trả nợ hụi và bà T cho rằng nợ của bà không liên quan đến ông T1 là không có căn cứ chấp nhận. Lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Trần Bích T và ông Trần Văn T1 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị H ($189.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.450.000 \text{ đồng}$). Bà Nguyễn Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hụi với bà Trần Bích T và ông Trần Văn T1.

Buộc bà Trần Bích T và ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 189.000.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Bích T và ông Trần Văn T1 phải liên đới chịu 9.450.000 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H 5.050.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 12/6/2024 theo biên lai số 0002649.

Báo cho nguyên đơn có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The